

Số: 14/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP
ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ
quản lý ngân quỹ nhà nước**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 như sau:

“4. Ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi là chênh lệch lớn hơn giữa tổng tồn ngân quỹ nhà nước đầu kỳ và dự báo thu trong kỳ với tổng dự báo chi và định mức tồn ngân quỹ nhà nước tối thiểu trong kỳ.

5. Ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt là chênh lệch nhỏ hơn giữa tổng tồn ngân quỹ nhà nước đầu kỳ và dự báo thu trong kỳ với tổng dự báo chi và định mức tồn ngân quỹ nhà nước tối thiểu trong kỳ.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng bao gồm tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tại các hệ thống ngân hàng thương mại.”.

c) Bổ sung khoản 10 và khoản 11 vào sau khoản 9 như sau:

“10. Tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước là việc sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương cấp tỉnh để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương, quỹ ngân sách địa phương cấp tỉnh.

11. Vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước là việc sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để bù đắp bội chi, trả nợ gốc đến hạn của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương cấp tỉnh.”.

2. Bổ sung khoản 4 vào Điều 4 như sau:

“4. Việc sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi được thực hiện bằng đồng Việt Nam.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Kho bạc Nhà nước xây dựng phương án điều hành ngân quỹ nhà nước quý, trình Bộ Tài chính phê duyệt chậm nhất ngày 10 của tháng đầu quý.

Đối với phương án điều hành ngân quỹ nhà nước năm, Kho bạc Nhà nước xây dựng, trình Bộ Tài chính phê duyệt chậm nhất ngày 10 tháng 01 của năm thực hiện.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi

1. Ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Cho ngân sách trung ương tạm ứng, vay.

b) Cho ngân sách địa phương cấp tỉnh tạm ứng, vay.

c) Mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

d) Gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định hạn mức cụ thể cho từng nội dung sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi theo thứ tự ưu tiên trên tại phương án điều hành ngân quỹ nhà nước quý.

2. Sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để cho ngân sách trung ương tạm ứng, vay:

a) Ngân quỹ nhà nước được sử dụng cho ngân sách trung ương tạm ứng để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương; cho ngân sách trung ương vay để bù đắp bội chi và trả nợ gốc của ngân sách trung ương.

b) Thời hạn cho ngân sách trung ương tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước không quá 12 tháng, trừ trường hợp được gia hạn theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương phải hoàn trả trong năm ngân sách. Bộ Tài chính quyết định việc cho ngân sách trung ương tạm ứng ngân quỹ nhà nước, phù hợp với khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi tại thời điểm xem xét, quyết định cho ngân sách trung ương tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

Các khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương phải hoàn trả đúng hạn. Trong trường hợp ngân sách trung ương không bố trí được nguồn trả nợ khoản vay ngân quỹ nhà nước thì được gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định và kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, Bộ Tài chính thực hiện cho ngân sách trung ương vay, gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước, bảo đảm trong phạm vi dự toán, kế hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi.

d) Mức lãi suất áp dụng đối với các khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương là 0%/năm.

3. Sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để cho ngân sách địa phương cấp tỉnh tạm ứng, vay:

a) Ngân quỹ nhà nước được sử dụng cho ngân sách địa phương cấp tỉnh tạm ứng để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách địa phương cấp tỉnh; cho ngân sách địa phương cấp tỉnh vay để bù đắp bội chi và trả nợ gốc của ngân sách địa phương cấp tỉnh.

b) Ngân sách địa phương cấp tỉnh được tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước phải đáp ứng các điều kiện sau:

Đáp ứng các điều kiện tạm ứng, vay của ngân sách địa phương cấp tỉnh theo quy định tại Điều 58 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 52 Luật Quản lý nợ công, các Nghị định hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đối với từng địa phương cụ thể.

Trường hợp tạm ứng ngân quỹ nhà nước, mức đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước không được vượt quá số dư còn lại của dự toán chi ngân sách địa phương cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm đề nghị tạm ứng; đồng thời, việc đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Không có dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước (gốc, lãi) quá hạn tại thời điểm đề nghị tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước.

Cam kết trả nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn; cho phép Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh được chủ động trích tồn quỹ ngân sách địa phương cấp tỉnh để thu hồi khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước quá hạn hoàn trả.

c) Các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách địa phương cấp tỉnh phải hoàn trả trong năm ngân sách. Bộ Tài chính quyết định việc cho ngân sách địa phương cấp tỉnh tạm ứng ngân quỹ nhà nước, phù hợp với khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi tại thời điểm xem xét, quyết định cho ngân sách địa phương cấp tỉnh tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

Các khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách địa phương cấp tỉnh phải hoàn trả đúng hạn trong năm ngân sách và không được gia hạn. Căn cứ dự toán ngân sách địa phương, tổng mức vay hằng năm được Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Bộ Tài chính xem xét, quyết định cho ngân sách địa phương cấp tỉnh vay ngân quỹ nhà nước, phù hợp với khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi tại thời điểm xem xét, quyết định cho ngân sách địa phương cấp tỉnh vay ngân quỹ nhà nước.

d) Mức lãi suất áp dụng đối với các khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách địa phương cấp tỉnh là 0%/năm.

4. Sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để mua bán lại trái phiếu Chính phủ:

a) Trái phiếu Chính phủ được chấp nhận trong giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ là trái phiếu Chính phủ bằng đồng Việt Nam do Kho bạc Nhà nước phát hành và đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

b) Kỳ hạn mua bán lại trái phiếu Chính phủ bao gồm kỳ hạn 07 ngày, 14 ngày, 21 ngày, 01 tháng, 02 tháng và 03 tháng.

c) Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh lãi suất.

d) Bộ Tài chính xác định tỷ lệ phòng vệ rủi ro, đối tác giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ từ nguồn ngân quỹ nhà nước trong danh sách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ qua Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

đ) Căn cứ phương án điều hành ngân quỹ nhà nước đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, Kho bạc Nhà nước thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, đảm bảo nguyên tắc an toàn, công khai và minh bạch.

5. Sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại:

a) Ngân quỹ nhà nước được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ, có chất lượng tốt, mức độ an toàn cao theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ danh sách các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ, có chất lượng tốt, mức độ an toàn cao do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp, Bộ Tài chính quyết định các ngân hàng thương mại được nhận tiền gửi có kỳ hạn từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, đảm bảo an toàn ngân quỹ nhà nước.

b) Thời hạn gửi ngân quỹ nhà nước tại ngân hàng thương mại bao gồm 01 tháng, 02 tháng và 03 tháng.

c) Việc gửi có kỳ hạn ngân quỹ nhà nước tại ngân hàng thương mại được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh lãi suất.

d) Căn cứ phương án điều hành ngân quỹ nhà nước đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, Kho bạc Nhà nước thực hiện giao dịch gửi có kỳ hạn ngân quỹ nhà nước tại ngân hàng thương mại, đảm bảo nguyên tắc an toàn, công khai và minh bạch.”.

5. Bổ sung điểm c vào khoản 1 Điều 8 như sau:

“c) Mua ngoại tệ từ hệ thống ngân hàng thương mại để đáp ứng nhu cầu chi của ngân quỹ nhà nước theo quy định được thực hiện bằng ngoại tệ trong trường hợp thiếu hụt ngân quỹ nhà nước bằng ngoại tệ và Bộ Tài chính không tự cân đối được. Trường hợp không mua được đủ số lượng ngoại tệ từ các hệ thống ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cân đối bán số lượng ngoại tệ còn thiếu từ dự trữ ngoại hối Nhà nước chính thức cho ngân quỹ nhà nước theo quy chế phối hợp giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Biện pháp phòng ngừa rủi ro:

a) Quy định hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi cho ngân sách trung ương tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước.

b) Quy định tổng hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi cho ngân sách địa phương cấp tỉnh tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước.

c) Quy định hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

d) Quy định hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại, đảm bảo không quá 50% khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi.

đ) Xác định mức ngân quỹ nhà nước tối thiểu mà Kho bạc Nhà nước phải duy trì số dư trên tài khoản thanh toán để đảm bảo an toàn khả năng thanh toán, chi trả cho ngân sách nhà nước và các đơn vị giao dịch.

e) Định kỳ hằng tháng, Kho bạc Nhà nước tổ chức đánh giá tình hình dự báo ngân quỹ nhà nước, trường hợp chênh lệch giữa số liệu dự báo và thực tế thu, chi ngân quỹ nhà nước vượt biên độ đã được Bộ Tài chính quyết định tại phương án điều hành ngân quỹ nhà nước quý, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính điều chỉnh hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Tài khoản thanh toán

1. Tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước được mở và sử dụng như sau:

a) Tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại (trụ sở chính), được sử dụng để tập trung các khoản thu, thanh toán các khoản chi ngân quỹ nhà nước; thực hiện các giao dịch điều hành số dư tài khoản để đảm bảo khả năng thanh toán của toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước; thực hiện các giao dịch sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi hoặc xử lý ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt.

b) Tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước (Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện) mở tại ngân hàng thương mại, được sử dụng để tập trung các khoản thu, thanh toán các khoản chi ngân quỹ nhà nước.

2. Toàn bộ số dư trên các tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tại thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán để đối chiếu số liệu thanh toán trong ngày làm việc giữa Kho bạc Nhà nước và các hệ thống ngân hàng thương mại, được chuyển về tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trừ số dư những loại ngoại tệ mà Kho bạc Nhà nước chưa được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Những khoản thu phát sinh sau thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán trong ngày làm việc trên các tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tại các hệ thống ngân hàng thương mại và số dư trên các tài khoản thanh toán của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tại các hệ thống ngân hàng thương mại không thể chuyển về tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong ngày làm việc do nguyên nhân bất khả kháng, thì được chuyển về tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước (Trung ương) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày làm việc tiếp theo.

3. Trả lãi số dư tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước:

a) Số dư đầu ngày tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được trả lãi theo mức lãi suất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định, không thấp hơn lãi suất mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả cho các tổ chức tín dụng trong cùng thời kỳ.

b) Số dư cuối ngày tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại được trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận giữa Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại, phù hợp với các quy định của pháp luật.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Việc mở tài khoản và trả lãi đối với các đối tượng mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hạch toán, tổng hợp vào thu, chi nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước theo cơ chế quản lý tài chính của Kho bạc Nhà nước.

Chênh lệch lớn hơn giữa thu, chi hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước sau khi đáp ứng các nội dung chi theo quy định của cơ chế quản lý tài chính của Kho bạc Nhà nước, số còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bãi bỏ cơ chế quản lý tài chính đặc thù của Kho bạc Nhà nước theo Nghị quyết của Quốc hội, các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước được phản ánh, hạch toán vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước. Sau khi đã đối chiếu khớp đúng số thu, chi hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước, chênh lệch lớn hơn giữa thu, chi hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước theo quý.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung chi tiết để thực hiện các nghiệp vụ quản lý ngân quỹ nhà nước quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Quyết định sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để cho ngân sách trung ương, ngân sách địa phương cấp tỉnh tạm ứng, vay theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Nghị định này; bố trí ngân sách trung ương để trả nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn.”.

c) Bổ sung khoản 6 vào Điều 13 như sau:

“6. Định kỳ hằng năm (trước ngày 31 tháng 01 năm sau), Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Cung cấp kịp thời cho Bộ Tài chính danh sách các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đánh giá có chất lượng tốt, mức độ an toàn cao.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước có trách nhiệm sử dụng vốn tạm ứng, vay theo quy định tại Nghị định này và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tạm ứng, cho vay ngân quỹ nhà nước; trả nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn.”.

13. Bổ sung khoản 5 vào Điều 16 như sau:

“5. Kho bạc Nhà nước được bán hoặc giữ trái phiếu Chính phủ (là tài sản bảo đảm của giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ) đến khi được thanh toán gốc, lãi để thu hồi ngân quỹ nhà nước trong trường hợp đối tác giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Kho bạc Nhà nước theo thỏa thuận.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 17 như sau:

“Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của các ngân hàng thương mại, đối tác giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước”.

b) Bổ sung khoản 3 vào Điều 17 như sau:

“3. Ngân hàng thương mại, đối tác giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ có trách nhiệm thanh toán (gốc, lãi) đầy đủ, đúng hạn khoản ngân quỹ nhà nước gửi có kỳ hạn hoặc mua bán lại trái phiếu Chính phủ cho Kho bạc Nhà nước theo đúng thỏa thuận.”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước

1. Thay thế cụm từ “phí thanh toán” bằng cụm từ “phí dịch vụ thanh toán” tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 12.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 11.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước tính đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành.

2. Các khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhưng thực hiện rút vốn sau ngày Nghị định có hiệu lực thi hành được áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

3. Kho bạc Nhà nước rà soát và thực hiện đóng các tài khoản thanh toán mở tại các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (nếu có) trong vòng 03 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành. Thủ tục đóng tài khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2025.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b)_{MO}

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phúc